

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 10/2021/DS-ST

Ngày: 19- 01-2021

V/v *Tranh chấp:*

“Đòi tài sản”.

**CỘNG HÒA XÃ CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO - TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ba.

2. Bà Lê Thị Minh Thắm.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trọng- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Phương - kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 319/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 10 năm 2020 về “Tranh chấp Đòi tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 147/2020/QĐXXST-DS ngày 23-12-2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2021/QĐST-DS ngày 11-01-2021, giữa các đương sự:

1/*Nguyên đơn:* Nguyễn Hoàng V, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: 130A, đường Đ, phường N, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hoàng V là ông Lê Chí T sinh năm: 1977 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1971 (vắng mặt).

Tăng Thị Thu H1, sinh năm: 1973 (vắng mặt)

Cùng trú tại: 1350, ấp M, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết ông Lê Chí T đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hoàng V trình bày:

Ngày 13-7-2013, ông Nguyễn Hoàng V có cho ông Nguyễn Thanh H, bà Tăng Thị Thu H1 vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thời hạn vay 12 tháng, bà H1, ông H có làm giấy mượn tiền do ông H viết và ký tên, bà H1 cùng ký tên, ông H, bà H1 chưa trả tiền lãi, tiền vốn cho ông V. Ông V giao tiền trực tiếp cho bà H1, ông H.

Ngày 24-7-2013 ông V cho bà H1, ông H vay tiếp 10.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thời hạn 12 tháng, ông V giao tiền trực tiếp cho ông H, bà H1, bà H1 viết thêm phía dưới của giấy mượn tiền ngày 13-7-2013 nhưng bà H1, ông H

không có ký tên. Trong biên nhận có ghi 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 130145763, nhưng ông H, bà H1 không có đưa cho ông V1 giữ.

Nay ông Vũ yêu cầu bà Thu H1, ông H trả 60.000.000 đồng không yêu cầu tính lãi, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Ông Nguyễn Thanh H, bà Tăng Thị Thu H1 được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng đúng theo qui định của pháp luật, nhưng bà H1, ông H không đến tham gia các phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, đối chất và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến của mình để Tòa án xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán tuân thủ đúng quy định của pháp luật như mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tổng đạt các văn bản tố tụng đúng pháp luật. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tại phiên tòa tuân thủ đúng quy định pháp luật, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa tuân thủ đúng qui định pháp luật. Riêng bị đơn không thực hiện đúng qui định của pháp luật

Về nội dung: Tóm tắt và nhận định nội dung vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông V số tiền 50.000.000 đồng, không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông V số tiền 10.000.000 đồng. Buộc ông H, bà H1 trả cho ông Vũ số tiền 50.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày, tranh luận của đương sự tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp giữa ông Nguyễn Hoàng V và ông Nguyễn Thanh H, bà Tăng Thị Thu H1 là “Đòi tài sản” thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

[2] Tại phiên tòa ông Lê Chí T đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hoàng V yêu cầu bà Tăng Thị Thu H1, ông Nguyễn Thanh H trả cho ông V số tiền 60.000.000 đồng, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Tại phiên tòa bà Tăng Thị Thu H1, ông Nguyễn Thanh H được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng theo qui định của pháp luật, nhưng bà Thu H1, ông H không đến dự phiên tòa, cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến để Hội đồng xét xử. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Thanh H, bà Tăng Thị Thu H1.

Xét yêu cầu của các đương sự:

[1] Căn cứ vào giấy mượn tiền ngày 13-7-2013 ông Nguyễn Hoàng V có cho ông Nguyễn Thanh H, bà Tăng Thị Thu H1 vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thời hạn vay 12 tháng. Bà H1, ông H chưa trả tiền lãi, tiền vốn cho ông V, ông V là người trực tiếp giao tiền cho bà H1, ông H, biên nhận do ông H viết và ký tên bà H1 cùng ký tên. Xét thấy giấy mượn tiền ngày 13-7-

2013 do ông H viết và ký tên, bà H1 cùng ký tên, thể hiện ông H, bà H1 vay của ông V số tiền 50.000.000 đồng. Ông H, bà H được Tòa án triệu tập tham gia giải quyết hòa giải, đối chất vụ án, nhưng ông H, bà H1 không đến và cũng không đến tham dự phiên tòa và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến. Như vậy bà H1, ông H đã vi phạm về thời gian, nghĩa vụ thanh toán tiền vốn lại cho ông V làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông V. Do đó yêu cầu của ông V yêu cầu bà H1, ông H trả số tiền 50.000.000 đồng là có cơ sở phù hợp với qui định của pháp luật. Hội đồng xét xử chấp nhận.

[1.1] Ngày 24-7-2013 ông V khai cho bà H1, ông H vay tiếp 10.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, thời hạn 12 tháng, ông V giao tiền trực tiếp cho ông H, bà H1. Xét thấy trong giấy mượn tiền ngày 13-7-2013 phía dưới có ghi “ thêm 10.000.000đ ngày 24-7-2013 để đóng thổ cư” nhưng không ghi rõ mượn thêm của ai và ai mượn và không có ký tên và ghi tên họ người cho mượn và người mượn. Ông V không có chứng cứ chứng minh là ông H, bà H1 mượn thêm của ông V 10.000.000 đồng. Do đó yêu cầu của ông V yêu cầu bà H1, ông H trả 10.000.000 đồng là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[1.2] Trong giấy mượn tiền ngày 13-7-2013 có ghi” tôi đưa 01giấy chứng nhận QSDĐ số 130145763. Ông V khai ghi như vậy nhưng sự thật ông H, bà H1 không có đưa cho ông V giữ. Ông H, bà H1 không đến dự phiên tòa để trình bày ý kiến cho Hội đồng xét xử xem xét nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về án phí DSST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hoàng V yêu cầu ông H, bà H1 trả số tiền 50.000.000 đồng nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Còn phần không chấp nhận yêu cầu của ông V yêu cầu ông H, bà H1 trả số tiền 10.000.000 đồng nên ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (10.000.000đ x 5%= 500.000 đồng). Buộc ông Nguyễn Thanh H, bà Tăng Thị Thu H1 trả cho ông V số tiền 50.000.000 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (50.000.000 đồng x 5%=2.500.000 đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Điều 166; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Hoàng V.

Buộc bà Tăng Thị Thu H1, ông Nguyễn Thanh H có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Hoàng V số tiền 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng). Thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án bị đơn không thi hành, hàng tháng bị đơn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bà Tăng Thị Thu H1, ông Nguyễn Thanh H phải chịu 2.500.000 đồng án phí dân sự dân sự

Ông Nguyễn Hoàng V phải chịu 500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho ông Nguyễn Hoàng V số tiền 1.000.000 đồng, ông V đã nộp tạm ứng án phí 1.500.000 đồng theo biên lai thu số 0002303 ngày 27-10-2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4/ Ông Nguyễn Hoàng V có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bà Tăng Thị Thu H1, ông Nguyễn Thanh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND thành phố M;
- Chi cục THADS TP.M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM-
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Thị Ngọc Hoa